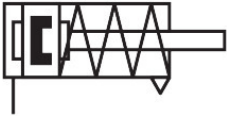


Xy lanh tròn ESNU-63-10-P-A

Số bộ phận: 196385



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình	10 mm
Ø pít tông	63 mm
Ren thanh pít tông	M16x1,5
Đệm	Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu
Vị trí lắp đặt	bất kì
Cấu trúc xây dựng	Pít tông Cần piston Thân vỏ xy lanh
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Áp suất vận hành	0.12 MPA...1 MPA 1.2 bar...10 bar
Nguyên tắc vận hành	nhấn tác động đơn lẻ
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 °C...80 °C
Lực hồi vị của lò xo khi thanh piston được rút lại	95 N
Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi	95 N
Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống	1765 N
Khối lượng di chuyển	484 g
Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm	459 g
Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 10 mm	25 g
trọng lượng sản phẩm	1489 g
Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm	1445 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm	44 g
Kiểu gắn	với phụ kiện
Cổng nối khí nén	G3/8
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu phủ	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu của phốt	NBR TPE-U (PU)

Đặc tính	Giá trị
Vật liệu thanh piston	thép hợp kim
Vật liệu vỏ xy lanh	thép hợp kim không gỉ